

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG (*General information*):

- Tên học phần (*tiếng Việt*) : Phương pháp nghiên cứu khoa học
- Tên học phần (*tiếng Anh*) : Research methods
- Mã học phần : BA2011
- Trình độ : Đại học
- Loại học phần Bắt buộc Tự chọn
- Thuộc thành phần Kiến thức giáo dục đại cương
 Kiến thức cơ sở khối ngành
 Kiến thức cơ sở ngành
 Kiến thức ngành / chuyên ngành
 Kiến thức cuối khoá
- Khoa, Bộ môn phụ trách : Bộ môn Marketing
- Số tín chỉ : 3 (3, 0, 6)
(*Lý thuyết, thực hành, Tự học*)
- Phân bổ thời gian - Lên lớp (lý thuyết): 50 giờ
- Làm việc nhóm, thực hành, thảo luận: 50 giờ
- Tự học, tự nghiên cứu: 50 giờ
- Học phần tiên quyết : Không
- Học phần học trước :
- Học phần song hành : Không

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (*Course description*):

Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu trong ngành du lịch, khách sạn và sự kiện như: các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, các bước khi tiến hành một nghiên cứu từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course objectives):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có:

Ký hiệu (Ox)	Mục tiêu học phần
Kiến thức	
O1	Hiểu được những khái niệm cơ bản về NCKH.
Kỹ năng	
O2	Vận dụng được các phương pháp NCKH vào một nghiên cứu cụ thể
O3	Phối hợp được các kỹ năng quan sát, kỹ năng tính toán, đánh giá, viết báo cáo và trình bày một báo cáo khoa học.
Mức tự chủ và trách nhiệm	
O4	Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, đưa ra các tư duy lý luận về các vấn đề liên quan đến công việc

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (Course learning outcomes - CLOs)

Ox	CLOx	PLOx
Kiến thức		
O1	CLO1: Giải thích được các khái niệm về NCKH, so sánh được các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau	PLO3
O2	CLO2: Hiểu và giải thích được qui trình xây dựng một báo cáo khoa học	PLO2 PLO3
Kỹ năng		
O3	CLO3: Áp dụng được các bước, quy trình NCKH để thực hiện được một vấn đề cần nghiên cứu	PLO6 PLO8
O4	CLO4: Đề ra được các kiến nghị, giải pháp cho bài báo cáo khoa học.	PLO6 PLO9
Mức tự chủ và trách nhiệm		
O5	CLO5: Thói quen và tính chủ động trong học tập, quan sát các hiện tượng, tình huống trong cuộc sống và công việc.	PLO8 PLO10

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN (Contents of course)

Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG G
		Lý thuyết	Thảo luận nhỏ	Tự học	Khác (nếu có)	

Số TT	Nội dung	Số giờ			TỔN
			m		
1	Giới thiệu về <i>NCKH giảng</i>	3		3	6
2	Các phương pháp nghiên cứu	6		6	12
3	Lập kế hoạch dự án nghiên cứu	6		6	12
4	Chọn mẫu	3		3	6
5	Phương pháp thu thập dữ liệu định lượng	6		6	12
6	Phương pháp thu thập dữ liệu định tính	3		3	6
7	Phân tích dữ liệu: cách tiếp cận định lượng	6		6	12
8	Phân tích dữ liệu: cách tiếp cận định tính	6		6	12
9	Viết, trình bày và công bố kết quả	3	30	3	36
Ôn tập	Tổng kết và tóm tắt môn học	3	30	3	36
	Giải đáp câu hỏi				
TỔNG		45	60	45	150

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC (*Teaching – Learning methods*):

6.1. Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: Trình chiếu slide bài giảng, Thuyết giảng, Giải quyết vấn đề, học theo tình huống, hướng dẫn giải bài tập.

6.2. Phương pháp học:

Lý thuyết

- Dự lớp: theo qui định chung của trường,
- Sinh viên đọc trước slide bài giảng của học phần và những tài liệu theo yêu cầu của giảng viên trước mỗi buổi học
- Làm bài tập về nhà, trả lời các câu hỏi ngắn trên lớp, và các bài kiểm tra tại lớp: các điểm này sẽ được đánh giá vào cột điểm quá trình của sinh viên.

7. TÀI LIỆU DẠY - HỌC, THAM KHẢO (*Learning materials*)

7.1. Tài liệu dạy học:

- [1] Nguyễn Đình Thọ (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. NXB Tài chính.

7.2. Tài liệu tự học và tham khảo:

- [1] Vũ Cao Đàm (1995), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Nxb Khoa học - Kỹ thuật.
- [2]. Ranjit Kumar (2011), *Research Methodology: a step-by-step guide for beginners*, 3rd, Pub. Sage.

7.3. Phần mềm, công cụ hỗ trợ bài tập hoặc thực hành

- 1) Máy chiếu, Laptop,
- 2) Phần mềm Microsoft Office,
- 3) Bông lau, bút viết bảng.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (*Testing and assessment methods*)

8.1. Thang điểm đánh giá:

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn với một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

Loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
Đạt	8,5 – 10	A	4
	7,0 – 8,4	B	3
	5,5 – 6,9	C	2
	4,0 – 5,4	D	1
Không đạt	< 4,0	F	0

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá tự học:

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Hoàn thành Bài tập/Thuyết trình theo nhóm	Chấm Bài tập/Thuyết trình	Rubic 1	100%

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung đánh giá		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Điểm danh, ý thức học tập	Rubic 1	10%
	Kiểm tra giữa kì	Trắc nghiệm	Rubic 2	30%
		Câu hỏi ngắn		
		Tình huống		
		Kết quả tự học		
Bài tập/Thuyết trình nhóm				
Kết thúc học phần	Thi	Tự luận	Rubic 3	60%

9. MA TRẬN (Matrix):

❖ Ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)									
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	P	P	S	H	H	S				
CLO2	H	H	H	H	H	H				
CLO3	P	P	S	H	H	S				
CLO4	H	H	H	H	H	H				
CLO5	P	P	S	H	H	S				H

Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra

Partial supported

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra

Supported

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra

Highly supported

Đề trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng

❖ Ma trận tương thích phương pháp dạy - học và chuẩn đầu ra của học phần

PP dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Thuyết trình	P	P	S	H	H	S			
Thảo luận nhóm	H	H	H	H	H	H			
Hỏi – trả lời	P	P	S	H	H	S			

❖ Ma trận tương thích phương pháp kiểm tra đánh giá và chuẩn đầu ra của học phần

PP kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Lý thuyết	P	P	S	H	H	S			
Điểm chuyên cần	H	H	H	H	H	H			
Điểm kiểm tra	P	P	S	H	H	S			

10. RUBIC / THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ (Scoring guide/Rubric):**Rubic 1: Điểm danh, đánh giá điểm chuyên cần**

Kiểm tra trên lớp	MỨC A (8.5-10)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC F (0-3.9)
Hỏi bài cũ, bài mới và làm bài tập tại lớp (kiểm tra khả năng tự học của sinh viên)	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 4 - 5 lần	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 3 lần	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 2 lần	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 1 lần	Xung phong trả lời hoặc lên bảng làm bài tập 0 lần
Điểm danh đi học đầy đủ	Đi học đầy đủ 100% các buổi điểm danh	Đi học <85% các buổi điểm danh	Đi học 75 % các buổi điểm danh	Đi học <50% các buổi điểm danh	Đi học < 25%

Rubic 2: Đánh giá quá trình

Bài kiểm tra 30 phút	Giỏi (8-10đ)	Khá(6-7đ)	TB(5đ)	Yếu(3-4đ)	Kém(0-3đ)
----------------------	-----------------	-----------	--------	-----------	-----------

<i>Bài kiểm tra số 1 về về hiểu về kiến thức</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng 85 đến 100%</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng 70 đến < 85%</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng 50 đến < 75%</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng 30 đến < 50%</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng dưới < 30%</i>
<i>Bài kiểm tra số 2 về vận dụng kiến thức</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng 85 đến 100%</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng 70 đến < 85%</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng 50 đến < 75%</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng 30 đến < 50%</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng dưới < 30%</i>

Rubic 3: ĐáThi kết thúc học phần

Bài kiểm tra 90 phút	Giỏi (8-10đ)	Khá(6-7đ)	TB(5đ)	Yếu(3-4đ)	Kém(0-3đ)
<i>Bài kiểm tra cuối kỳ về toàn bộ nội dung đã học</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng 85 đến 100%</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng 70 đến < 85%</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng 50 đến < 75%</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng 30 đến < 50%</i>	<i>Hiểu và thực hiện đúng dưới < 30%</i>

11. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG (Student support)

- Giảng viên sẽ giải đáp tất cả các thắc mắc của học viên liên quan đến môn học.
- Sinh viên có thể gửi email qua địa chỉ longnd@hiu.vn hoặc hẹn gặp trực tiếp giảng viên tại Văn phòng khoa KT-QT.

TP. HCM, ngày 08 tháng 06 năm 2022

Trưởng Khoa
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)